



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Sonadezi Châu Đức

Ngày 30/09/2025	33,850 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.3%	-5.9%	-

DT thuần Q3/25
86.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼132 -60.3%
YoY: ▼78.5 -47.6%

LN thuần Q3/25
36.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼81.4 -69.0%
YoY: ▼36.6 -50.0%

LN sau thuế Q3/25
20.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼74.1 -78.1%
YoY: ▼38.8 -65.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
37.1%
YoY: +/-▼ 20.7%

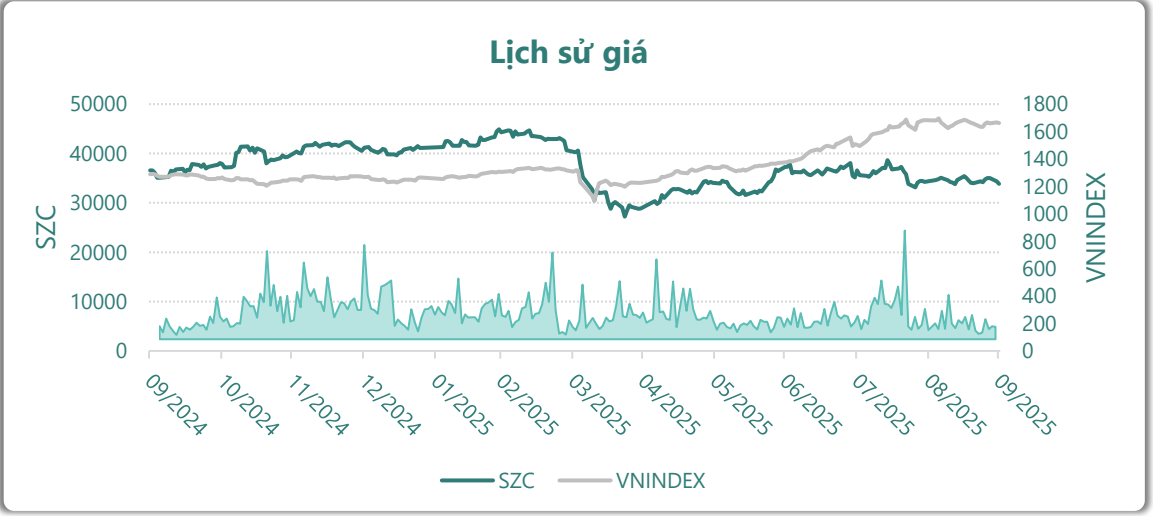
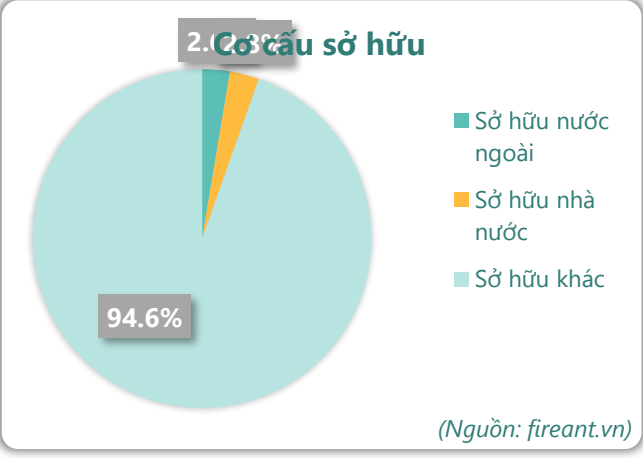
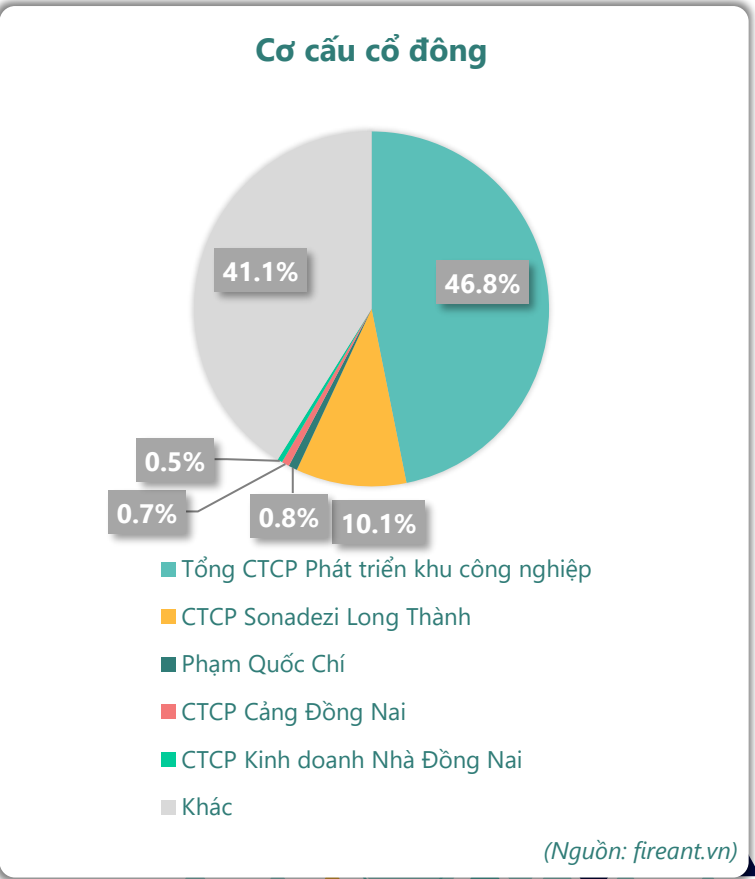
ROE (TTM) Q3/25
10.3%
YoY: +/-▼ 1.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	27,215 - 44,904
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,093
Số lượng CPLH (CP)	179,985,863
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,241,705
Sở hữu nước ngoài	2.6%
Beta	1.13
EPS	1,763
P/E	19.2

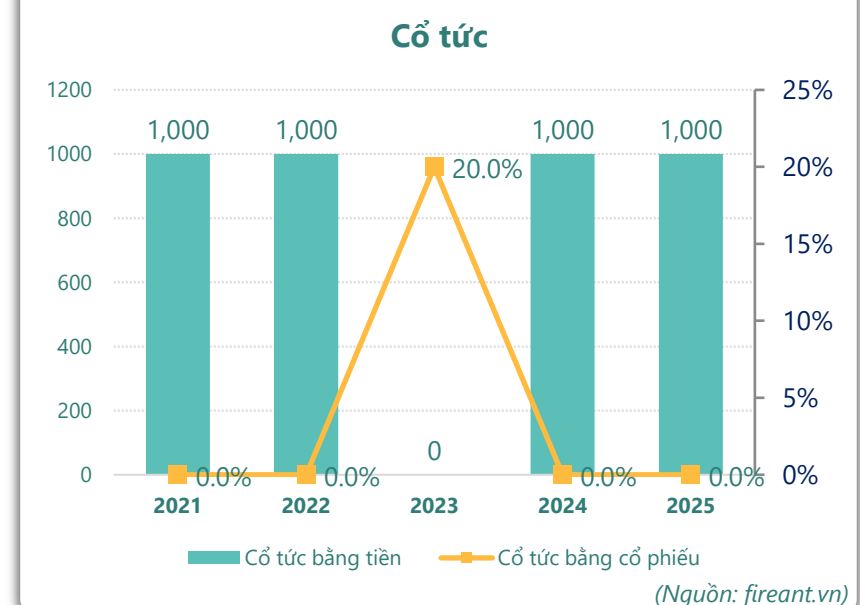
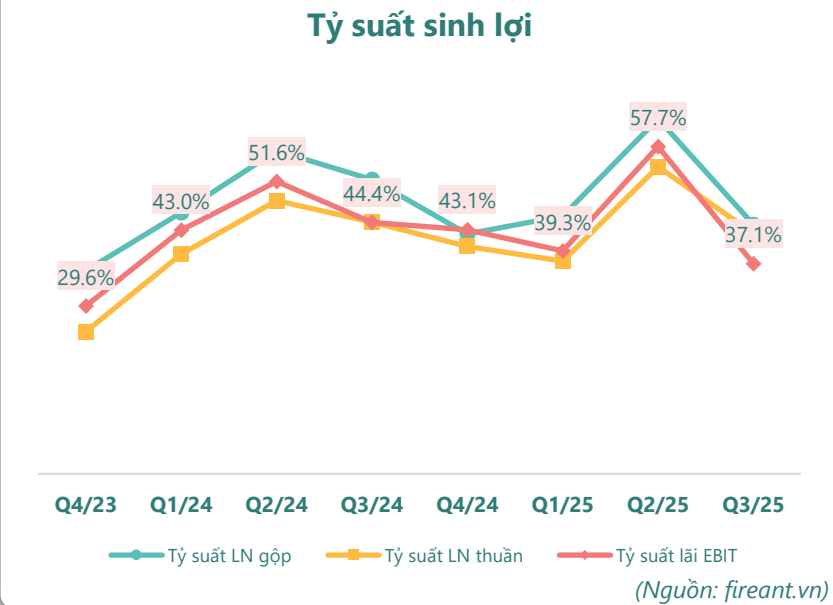
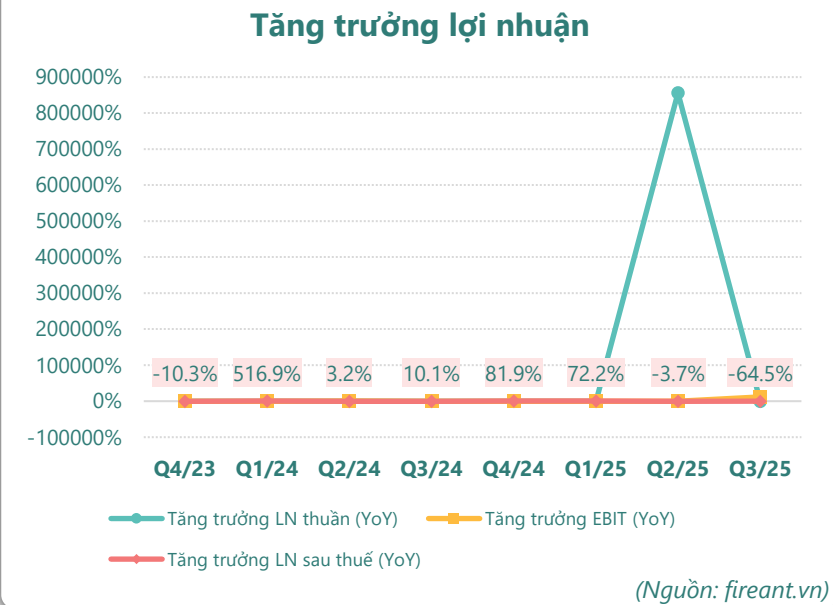
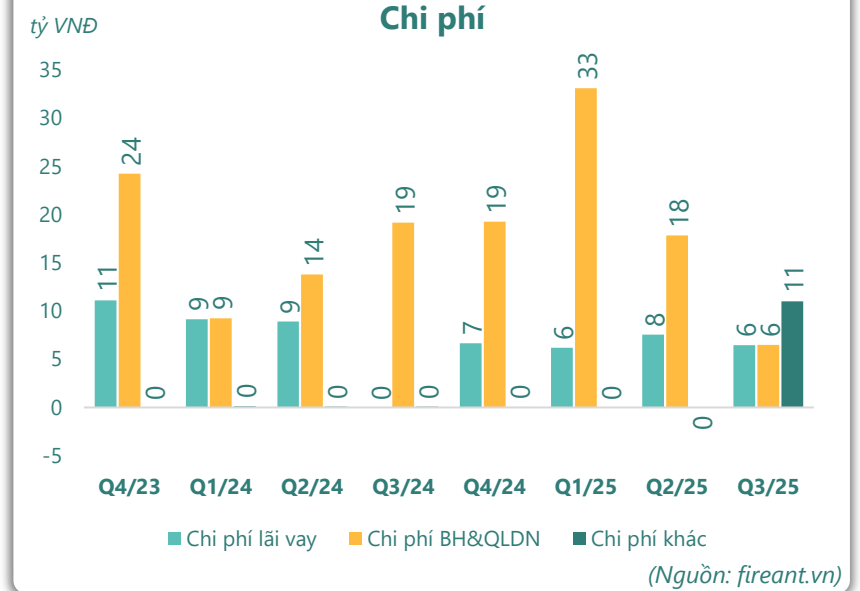
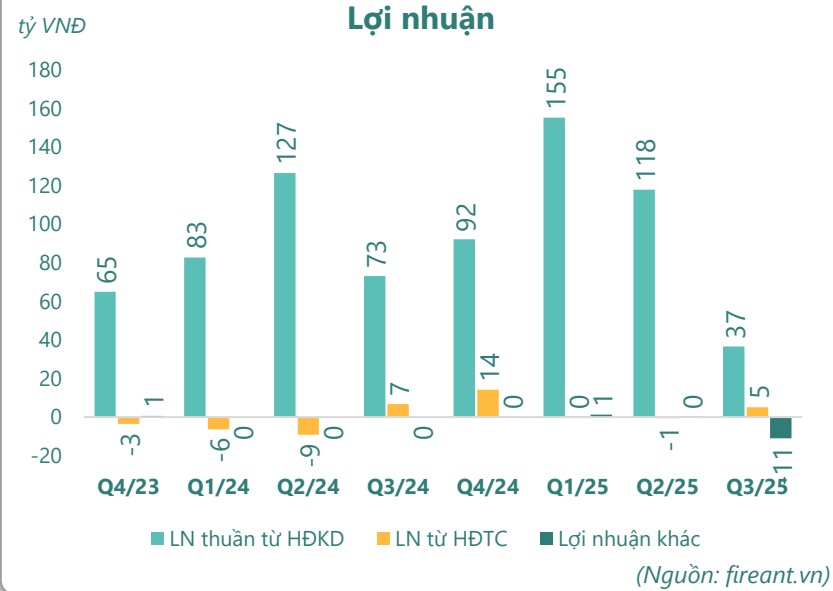
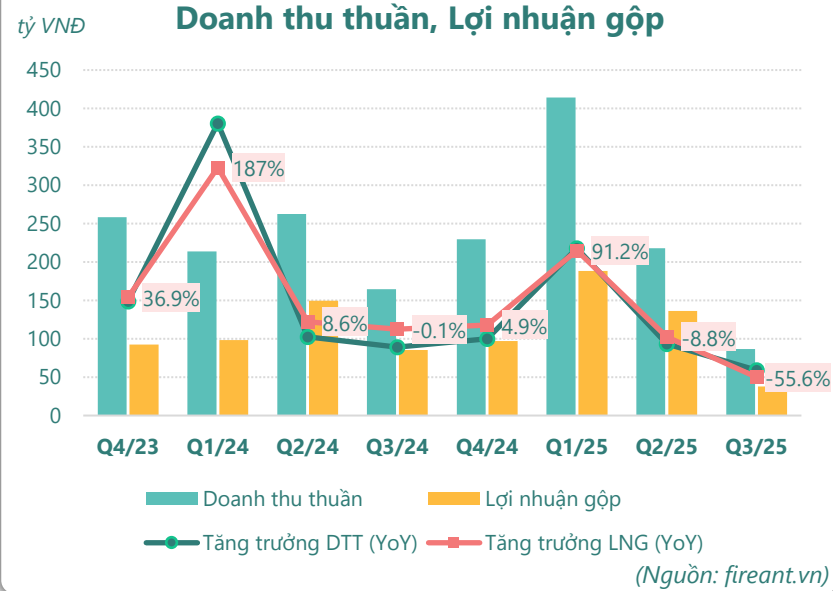
DT thuần 9T 2025
719
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 78.0 12.1%

LN thuần 9T 2025
310
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.0 9.7%

LN sau thuế 9T 2025
242
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.0 6.7%



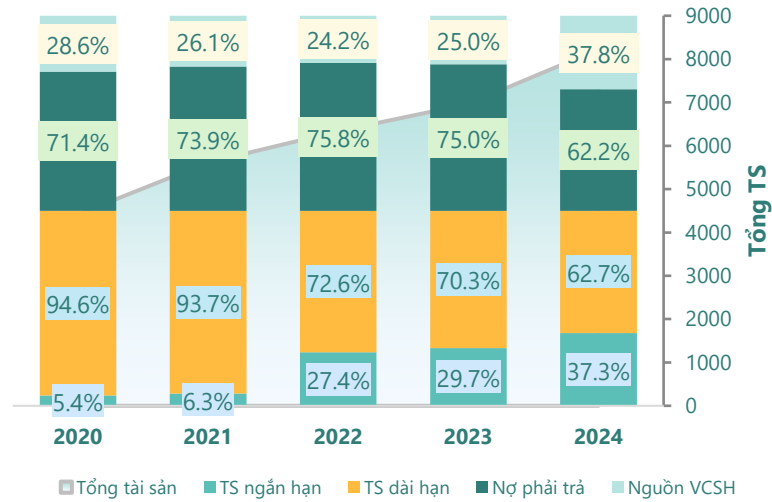
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

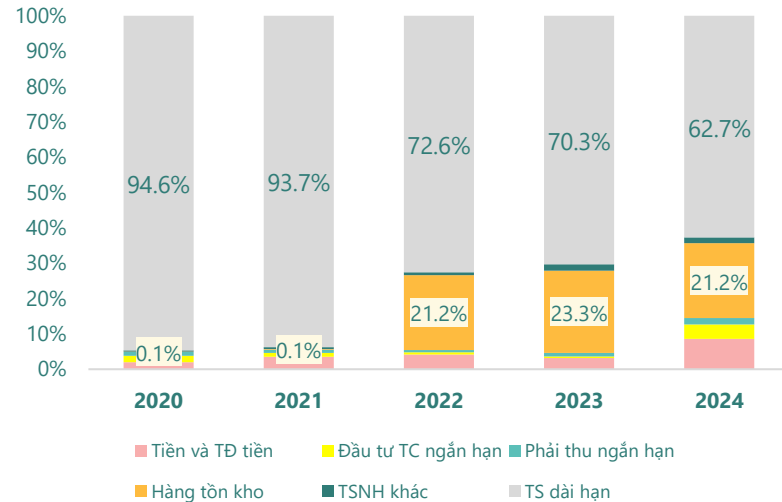
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

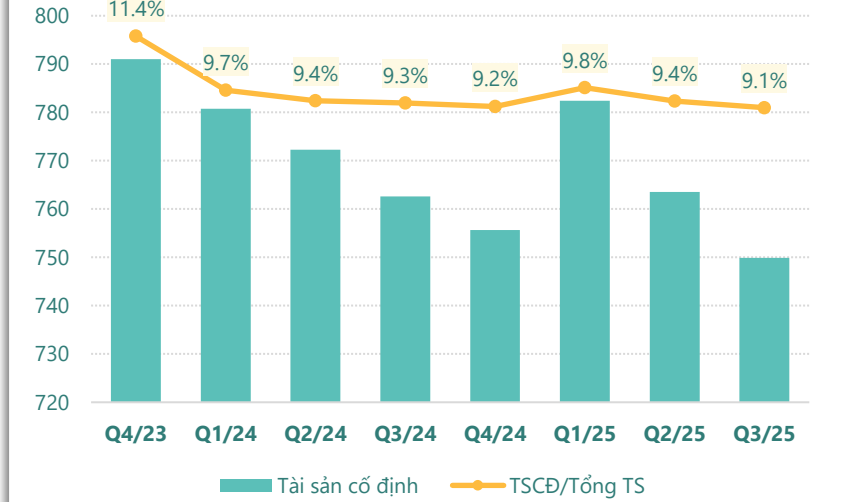
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

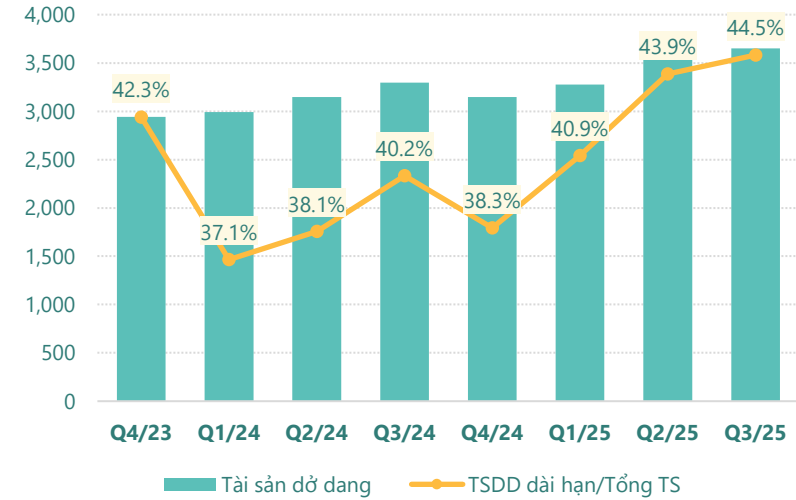
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

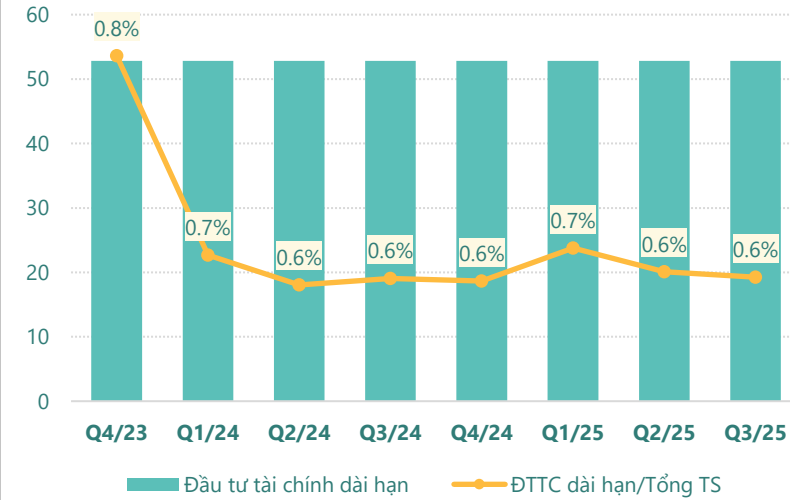
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

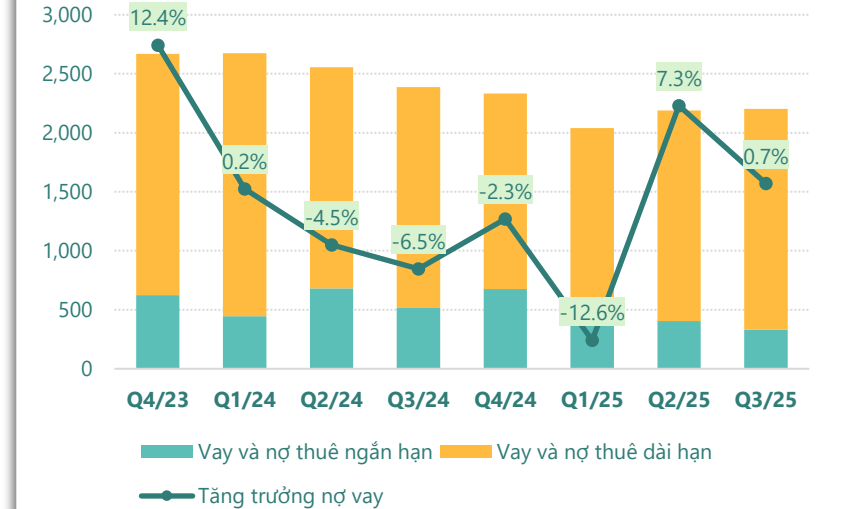
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

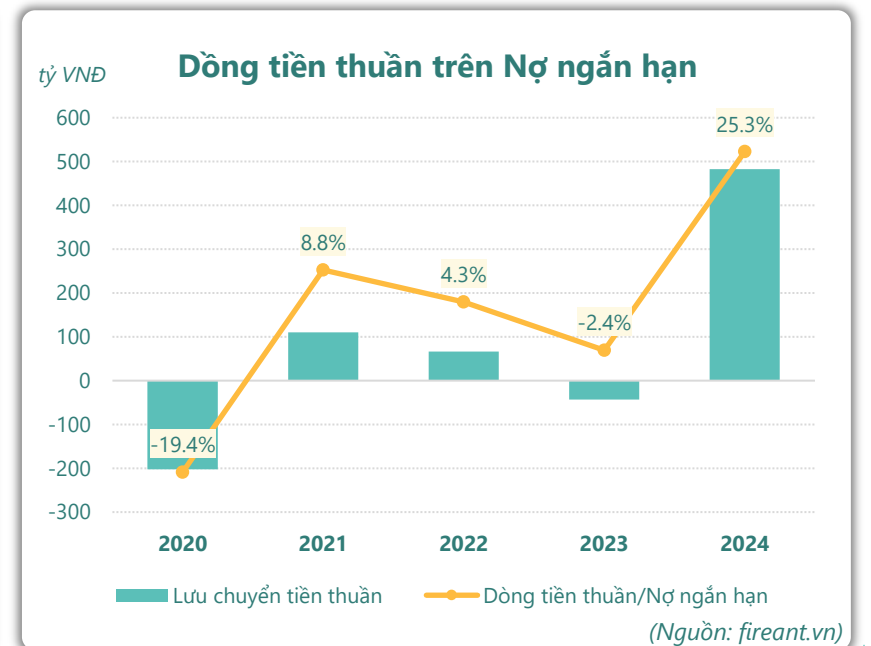
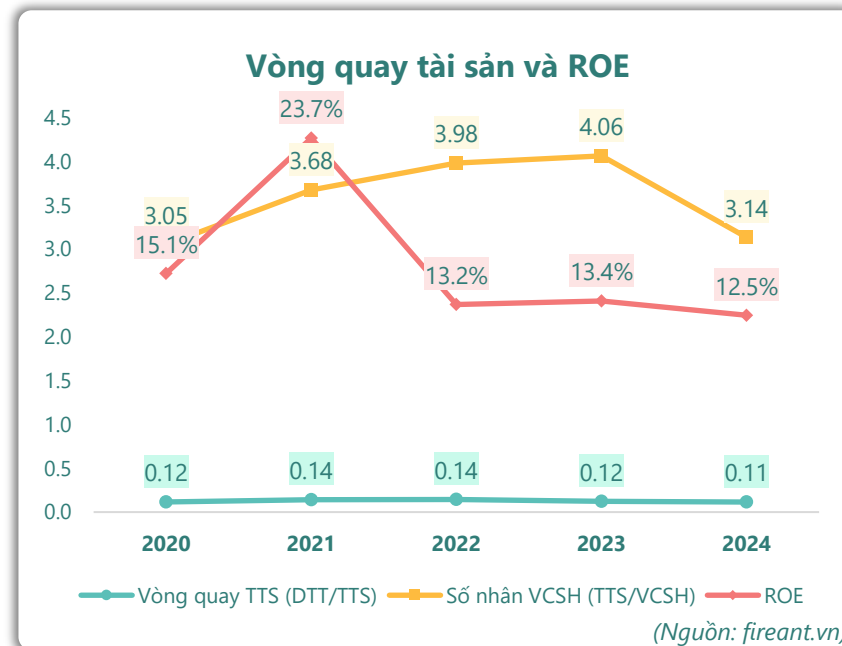
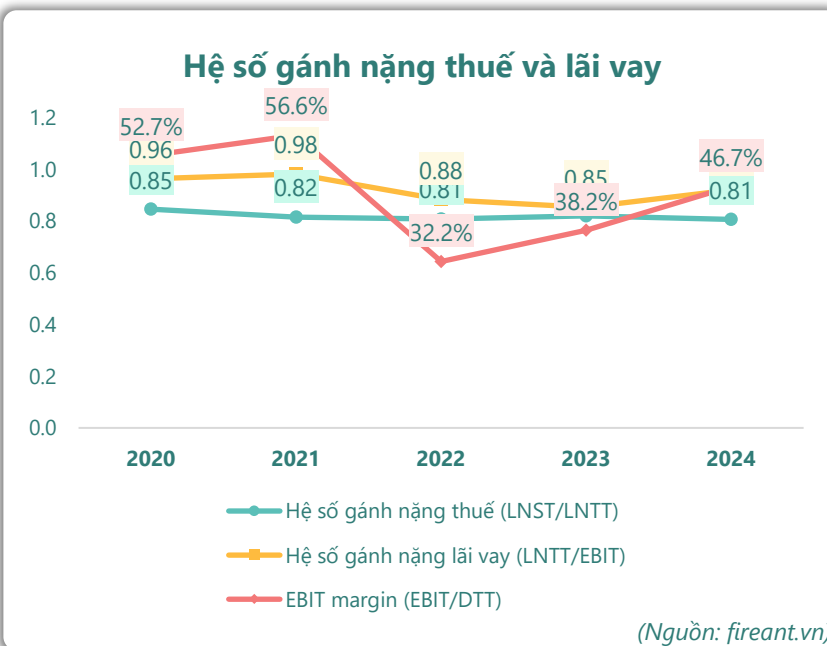
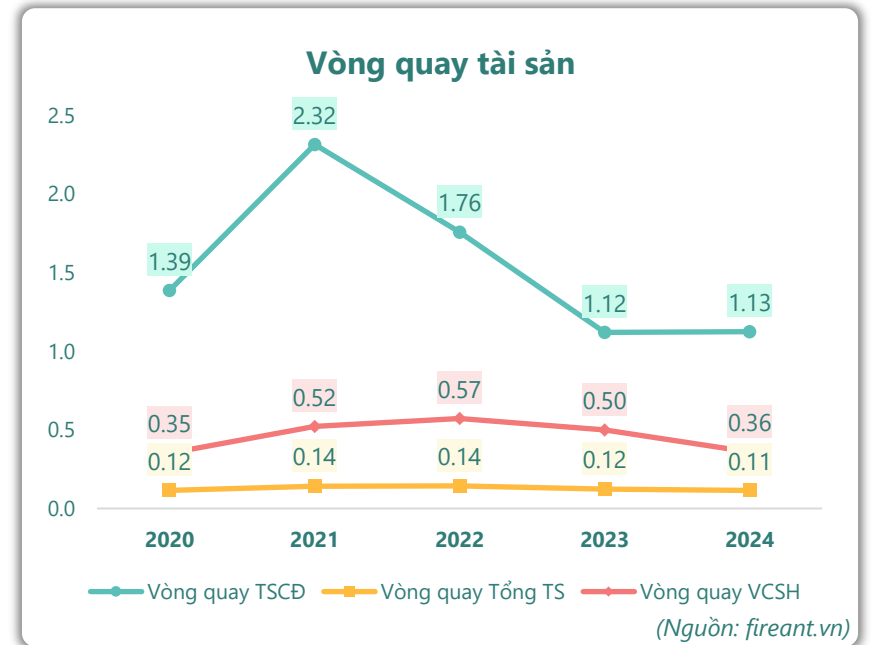
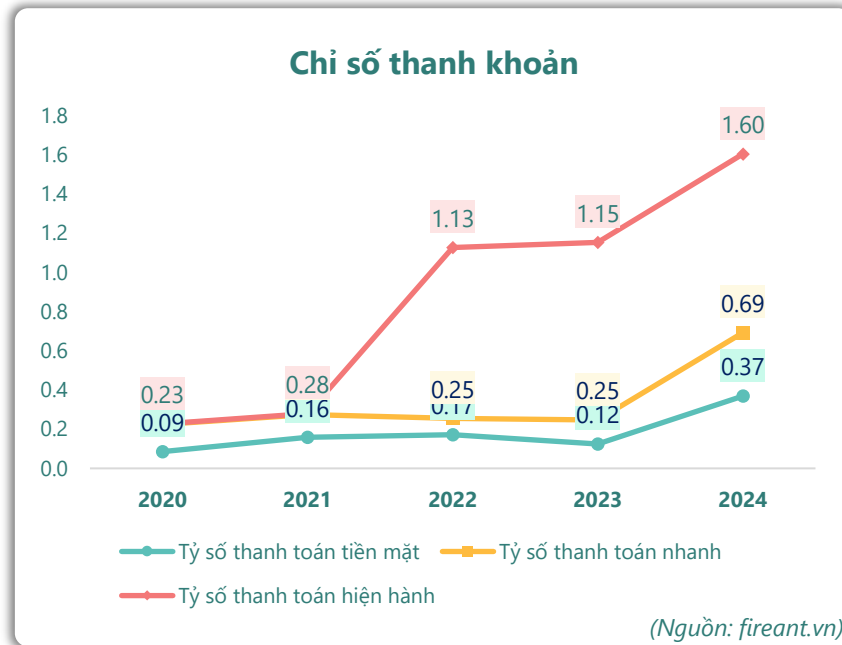
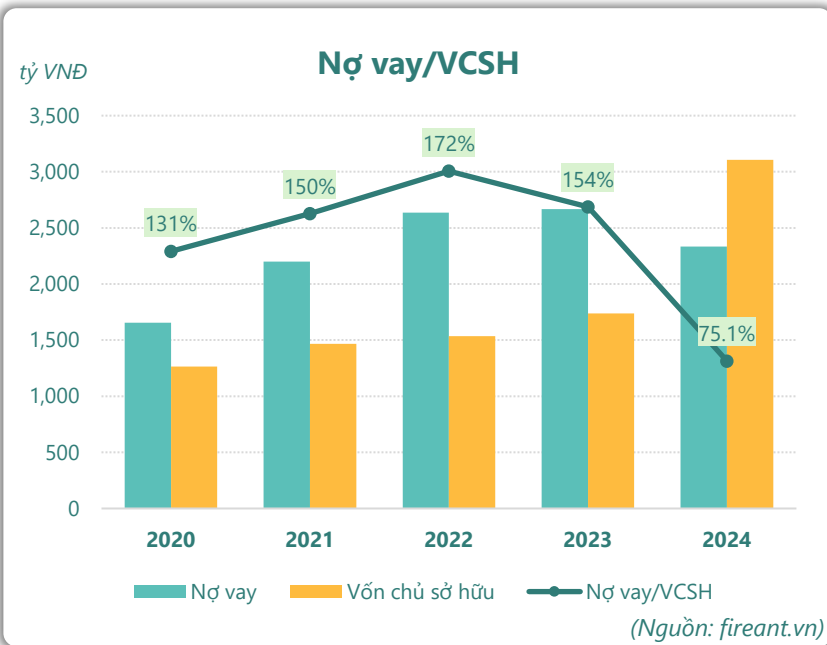
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	86.5	165	-47.6%	719	641	12.1%
Giá vốn hàng bán	48.5	79.2	-38.8%	356	307	15.8%
Lợi nhuận gộp	38.0	85.6	-55.6%	363	334	8.7%
Doanh thu HĐTC	11.5	15.1	-23.6%	24.9	19.2	30.1%
Chi phí TC	6.45	8.29	-22.1%	20.2	28.0	-27.8%
Chi phí lãi vay	6.45	0.00		20.2	18.0	12.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.08	2.39	-96.7%	13.8	2.86	383%
Chi phí QLDN	6.40	16.8	-61.9%	43.6	39.4	10.9%
LN thuần từ HĐKD	36.6	73.2	-50.0%	310	283	9.7%
Lợi nhuận khác	-11.0	-0.09	-12122%	-9.48	-0.33	-2805%
LN trước thuế	25.6	73.1	-65.0%	301	282	6.5%
Lợi nhuận sau thuế	20.8	59.6	-65.1%	242	227	6.7%
LNST của CĐ cty mẹ	20.8	59.6	-65.1%	242	227	6.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	362	254	42.7	26.4	34.4	78.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-129	-284	-304	-66.8	-244	-64.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1,265	-282	-57.5	-294	188	16.8
Tiền đầu kỳ	1,295	1,337	1,024	705	371	350
Lưu chuyển tiền thuần	-1,031	-313	-319	-334	-21.3	31.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.04	0	0.00	0	0.02	0
Tiền cuối kỳ	1,337	1,024	705	371	350	381

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	8,200	8,226	-0.3%
Tài sản ngắn hạn	2,599	3,067	-15.3%
Tiền và tương đương tiền	381	705	-46.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	34.8	335	-89.6%
Phải thu ngắn hạn	145	150	-3.0%
Hàng tồn kho	1,844	1,743	5.8%
Tài sản ngắn hạn khác	193	134	44.3%
Tài sản dài hạn	5,601	5,159	8.6%
Phải thu dài hạn	0.39	0.32	21.4%
Tài sản cố định	750	756	-0.8%
Bất động sản đầu tư	1,063	1,120	-5.1%
Tài sản dở dang	3,652	3,148	16.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	52.8	52.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	83.5	82.1	1.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,058	5,120	-1.2%
Nợ ngắn hạn	1,559	1,912	-18.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	331	676	-51.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	190	180	5.3%
Nợ dài hạn	3,499	3,209	9.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,872	1,657	13.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,142	3,106	1.2%
Vốn chủ sở hữu	3,142	3,106	1.2%
Vốn điều lệ	1,800	1,800	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

